TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-11-2018.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà****:*** Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Ánh T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp Đông T, xã Tân Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Thành P, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp Đông T, xã Tân Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị Ánh T trình bày:

Bà và ông Đỗ Thành P sống chung với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trải qua thời gian 30 năm chung sống, vợ chồng thường xảy ra bất hòa. Nguyên nhân do ông P có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà có khuyên can nhưng ông P không thay đổi. Nay, bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 người con chung tên Đỗ Thị Tuyết H, sinh năm 1990 và Đỗ Phong V, sinh năm 1995. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Thành P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ về trình tự thủ tục tố tụng, thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Đào Thị Ánh T là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông P là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Ánh T đối với ông Đỗ Thành P.

Về nuôi con chung: 02 cháu Đỗ Thị Tuyết H, sinh năm 1990 và Đỗ Phong V, sinh năm 1995 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Bà Đào Thị Ánh T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà Đào Thị Ánh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đào Thị Ánh T là nguyên đơn, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đỗ Thành P là bị đơn, vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông P.

[2] Về hôn nhân: Bà Đào Thị Ánh T và ông Đỗ Thành P chung sống với nhau từ năm 1989, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 25 tháng 9 năm 2005, Giấy đăng ký kết hôn số 136, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông P phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.

Bà T trình bày mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể sống chung với ông P nên yêu cầu ly hôn, ông P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Căn cứ các biên bản xác minh ngày 16 tháng 5 năm 2018 (tại các bút lục số 14,15) tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông P là do ông P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng thường hay gây gỗ, hiện tại mục đích của hôn nhân của ông bà không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông P là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà T được ly hôn với ông P.

[4] Về nuôi con chung: Bà Đào Thị Ánh T và ông Đỗ Thành P có 02 con chung tên: Đỗ Thị Tuyết H, sinh năm 1990 và Đỗ Phong V, sinh năm 1995. Hai cháu H và V hiện đã trưởng thành và tự lao động, sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Bà Đào Thị Ánh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đào Thị Ánh T và ông Đỗ Thành P.

2. Về nuôi con chung: 02con chung Đỗ Thị Tuyết H, sinh năm 1990 và Đỗ Phong V, sinh năm 1995 đã trưởng thành và tự lao động, sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Ghi nhận bà Đào Thị Ánh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đào Thị Ánh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0025498 ngày 14/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Đào Thị Ánh T và ông Đỗ Thành P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã Tân Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Xuân Lan